

TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN – ĐÀ LẠT
TỔ NGŨ VĂN

ĐỀ CƯƠNG
ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN NGŨ VĂN, LỚP 11

PHẦN 1: MA TRẬN, ĐẶC TẢ
A. MA TRẬN

Khung ma trận đề 100% tự luận- Lớp 11

T T	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thôn g hiếu	Vận dụng	Vận dun g cao	
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin	3	3	1	1	60
		Văn nghị luận					
2	Viết	Viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội	1*	1*	1*	1*	40
Tổng			25%	45%	20%	10 %	100
Tỉ lệ chung			70%		30%		

B. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				
				Nhận biết	Thông hiếu	Vận dụng	Vận dun g cao	Tổng %
1	ĐỌC HIỂU	1. Văn bản thông tin (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, thông tin chính của văn bản, các chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được bố cục, sự mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của văn bản. Thông hiểu:	3	3	1	1	8

			-Nêu nội dung bao quát của văn bản. - Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin trong văn bản. - Lí giải được cách đặt nhan đề của tác giả. - Phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) trong văn bản. Vận dụng: - Đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết thể hiện trong văn bản. -Rút ra thông điệp, bài học từ nội dung văn bản. Vận dụng cao: -Trình bày thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết.					
		2.Văn bản nghị luận	Nhận biết: - Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản. - Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản. - Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản.					

			Thông hiểu: - Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản. - Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản. - Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản. - Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận. - Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản. Vận dụng cao: Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản					
--	--	--	---	--	--	--	--	--

			ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản.					
2	LÀM VĂN	Viết văn bản thuyết minh	Nhận biết: - Xác định được đúng yêu cầu về nội dung thuyết minh và hình thức của văn bản thuyết minh. - Xác định được đúng mục đích, đối tượng của văn bản. - Đảm bảo bố cục, cấu trúc của một văn bản thuyết minh. Thông hiểu: - Trình bày rõ nội dung thuyết minh; cấu trúc bài viết sáng rõ, ngôn ngữ tường minh, chính xác, cụ thể, khách quan. - Đảm bảo sự phù hợp giữa ngôn từ, bố cục với nội dung, mục đích, đối tượng thuyết minh; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Bài viết có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. Vận dụng: Lồng ghép hợp lí các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để tăng sức hấp dẫn cho văn bản. Vận dụng cao: Vận dụng hiệu quả những kiến thức về Tiếng					

			Viết lớp 11 để tăng sức hấp dẫn, tính sinh động của nội dung thuyết minh.					
Tỉ lệ %				30	40	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

PHẦN 2: KIẾN THỨC CƠ BẢN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

BÀI: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN

1. Các yếu tố hình thức của văn bản thông tin

Văn bản thông tin thường có những dấu hiệu nổi bật về hình thức thể hiện qua nhan đề, đề mục, sơ đồ, bảng biểu, chữ in nghiêng, chữ in đậm... Những dấu hiệu này giúp cho người đọc nắm bắt thông tin chính của văn bản một cách nhanh chóng. Nhan đề thường giới thiệu chủ đề của văn bản. Các đề mục tô đậm nội dung chính hoặc chỉ ra điểm bắt đầu của một chủ đề hoặc một mục mới. Các chữ in nghiêng, in đậm thường được sử dụng để nhấn mạnh những từ ngữ then chốt. Các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ,... thường trực quan hoá những thông tin quan trọng trong văn bản. Bằng cách đọc lướt hình thức trình bày của văn bản, người đọc có thể dễ dàng nhận ra chủ đề, các nội dung chính và cấu trúc của văn bản thông tin

2. Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin

Nội dung của văn bản thông tin được tạo thành bởi các yếu tố chính: chủ đề, các ý chính và ý phụ. Chủ đề là vấn đề chủ yếu được đề cập trong văn bản thông tin, thường được diễn đạt bằng một từ hoặc một cụm từ. Ý chính là ý quan trọng nhất mà tác giả muốn nói về chủ đề. Thông thường, ý chính của một đoạn văn hoặc một mục sẽ được trình bày trực tiếp trong câu chủ đề, thường ở đầu hoặc cuối đoạn văn. Đôi khi ý chính ẩn chìm trong văn bản và người đọc cần phải suy luận dựa vào những thông tin mà tác giả cung cấp. Ý phụ là các thông tin chi tiết nhằm bổ sung, làm rõ cho ý chính. Việc nhận ra chủ đề, ý chính và ý phụ của văn bản giúp người đọc nắm được bố cục, mạch lạc của văn bản, hiểu được bản chất của vấn đề được đề cập, nhờ vậy dễ dàng tiếp nhận và ghi nhớ thông tin.

3. Cách trình bày dữ liệu trong văn bản thông tin

Văn bản thông tin thường được trình bày theo những cách phù hợp với tiến trình nhận thức tự nhiên của người đọc. Có một số hình thức thông tin chính: theo trật tự thời gian, theo trật tự nhân quả, theo tầm quan trọng của vấn đề, theo quan hệ so sánh hoặc tương phản.

Tổ chức thông tin theo trật tự thời gian là trình bày các sự kiện theo tiến trình trước sau mà chúng diễn ra. Mô hình tổ chức này thường được sử dụng trong các văn bản lịch sử, tự thuật, tiểu sử, hướng dẫn quy trình tiến hành một hoạt động,... Có thể dễ dàng nhận ra mô hình tổ

chức này dựa vào các từ ngữ chỉ thời gian như *ngày, tháng, năm*; các từ ngữ chỉ trình tự như *trước hết, sau đó, tiếp theo*;...

Tổ chức thông tin theo trật tự nhân quả là dựa vào mối liên hệ giữa một sự kiện với nguyên nhân và kết quả của sự kiện đó. Mô hình tổ chức này thường được sử dụng trong các văn bản lịch sử, văn bản khoa học mô tả các hiện tượng tự nhiên,...Có thể nhận ra mô hình tổ chức này dựa trên các từ ngữ chỉ quan hệ nhân quả như *bởi vì, cho nên, vì thế, do đó, nguyên nhân là, kết quả là*,...

Tổ chức theo tầm quan trọng của vấn đề là sắp xếp các thông tin theo cách từ những thông tin qua trọng nhất đến những thông tin ít quan trọng hơn hoặc ngược lại. Mô hình tổ chức này thường được sử dụng trong các văn bản mô tả cấu trúc của một đối tượng hoặc phân tích một vấn đề, thực trạng,...Có thể nhận ra mô hình tổ chức này dựa trên các từ ngữ chỉ thứ tự ưu tiên như *thứ nhất, thứ hai, thứ ba*,...

Tổ chức thông tin theo quan hệ so sánh hoặc tương phản là trình bày thông tin theo những đặc điểm tương đồng, khác biệt hoặc đối lập của hai hay nhiều đối tượng. Mô hình tổ chức này thường được sử dụng trong các văn bản khoa học. Các từ ngữ thể hiện mối quan hệ so sánh, tương phản thường là *giống với, khác với, ngược lại, tương tự như vậy, điểm chung, điểm khác biệt*,...

4. Mục đích, quan điểm của người viết trong văn bản thông tin

Văn bản thông tin có nội dung khách quan, hạn chế tối đa việc thể hiện quan điểm, thái độ của tác giả. Tuy nhiên, mỗi tác giả khi viết văn bản thông tin thường hướng tới một mục đích nhất định. Mục đích giao tiếp chủ yếu của văn bản thông tin là cung cấp thông tin, nhưng bên cạnh đó, nó còn có thể nhắm đến mục đích khác như: thuyết phục, giải trí,...Mặc khác, kinh nghiệm, niềm tin của người viết cũng chi phối việc bày tỏ quan điểm, thái độ đối với vấn đề được đề cập, mặc dù điều này thường không được thể hiện trực tiếp trong văn bản. Có thể nhận ra toàn bộ mục đích, quan điểm, thái độ nói trên dựa vào các tiếp cận, lí giải chủ đề, dựa vào giọng điệu hoặc cách sử dụng ngôn ngữ của tác giả.

BÀI: LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG

1. Văn bản văn học có nhiều chủ đề

Thực tế văn học cho thấy, không hiếm văn bản cùng lúc thể hiện nhiều chủ đề và các chủ đề được phân loại theo những tiêu chí khác nhau. Xét mức độ biểu hiện đậm hay nhạt, mạnh hay yếu của chủ đề thông qua toàn bộ thể giới nghệ thuật được miêu tả, có thể nói đến chủ đề chính và chủ đề phụ (việc xác định đâu là chính, đâu là phụ nhiều khi phụ thuộc vào sự tiếp nhận khác nhau của người đọc chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào chủ ý của tác giả). Xét theo tính chất của những điều được biểu hiện, có thể nói đến chủ đề toàn dân tộc và chủ đề phổ quát nhân loại

Chính sự đa dạng về chủ đề khiến văn bản trở nên đa nghĩa, đáp ứng được sự đón đợi của nhiều độc giả khác nhau và mỗi người có thể tìm thấy ở văn bản một điểm tâm đắc riêng. Mặc dù thể hiện nhiều chủ đề, tính thống nhất, trọn vẹn của văn bản vẫn luôn được nhà văn xem là đích

cần hướng tới và điều này không có gì mâu thuẫn, bởi tự các chủ đề tự soi sáng, bổ sung cho nhau để cùng tạo nên một tác động mạnh mẽ, mang tính tổng hợp đối với người tiếp nhận.

2. Một số cách giải thích nghĩa của từ

Có nhiều cách giải thích nghĩa của từ tùy vào ngữ cảnh cụ thể, đặc điểm, tính chất của từ được giải thích (từ vay mượn, từ địa phương, từ cổ,...) Sau đây là một số cách cơ bản và thông dụng:

- Giải thích bằng hình thức trực quan: Chỉ vào sự vật, hiện tượng tồn tại trong thực tế vốn được gọi tên bằng từ đó (cũng có thể chỉ vào hình ảnh đại diện của sự vật được ghi nhận bằng các phương tiện phi ngôn ngữ như tranh, ảnh,...)
- Giải thích bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị. Theo cách này, không chỉ nghĩa của các từ chỉ sự vật, hiện tượng quan sát được mà cả nghĩa của những từ biểu thị trạng thái tinh thần hay kết quả hoạt động tư duy của con người đều có thể được làm sáng tỏ.
- Giải thích bằng cách nêu lên từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ được giải thích, theo quy ước ngầm rằng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa đó đã được người tiếp nhận biết đến.
- Giải nghĩa bằng cách làm rõ nghĩa từng yếu tố trong từ được giải thích (đối với đa số từ ghép), sau đó, nêu nghĩa chung của từ.

B. YÊU CẦU

1. Đọc hiểu

- Nắm chắc các tri thức Ngữ văn để vận dụng làm bài đọc hiểu.
- Vận dụng các tri thức đã học để xác định được:
 - + Chi tiết, đề tài, thông tin, tri thức được trình bày trong văn bản; bố cục; cách trình bày dữ liệu, các phương tiện biểu đạt thông tin của văn bản.
 - + Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản, luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản; các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản.
 - + Mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản.
 - + Lí giải, phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin trong văn bản.
 - + Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của cách đặt nhan đề văn bản.
 - + Chỉ ra và lí giải được mục đích, ý tưởng, thái độ, quan điểm của người viết thể hiện trong văn bản.
 - + Giải thích được tác dụng của bố cục, các yếu tố hình thức; cách sử dụng và trình bày dữ liệu của văn bản.
 - + Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản.
 - + Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.
 - + Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.
 - + Thể hiện được thái độ đồng tình hay không đồng tình với nội dung văn bản, quan niệm của người viết.

- + Đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng các yếu tố hình thức trong văn bản; đánh giá được mức độ đáng tin cậy, tính chính xác của thông tin, tri thức trong văn bản.
- + Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận.
- + Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản.
- + Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản.

2. Viết: Viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội

Văn bản thuyết minh là loại văn bản thường gặp trong mọi lĩnh vực của đời sống có chức năng cung cấp các tri thức về tính chất, đặc điểm, nguyên nhân... của các sự vật, sự việc, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội bằng cách trình bày, giới thiệu, giải thích.

Yêu cầu đối với kiểu bài

- Nêu rõ sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội được thuyết minh và cung cấp một số thông tin cơ bản giúp người đọc hình dung bước đầu về sự vật, hiện tượng đó.
- Làm sáng tỏ sự vật, hiện tượng theo trình tự phù hợp với đặc điểm của sự vật, hiện tượng đó.
- Rút ra ý nghĩa của việc nhận thức đúng về sự vật, hiện tượng được thuyết minh.
- Sử dụng kết hợp trong văn bản thuyết minh một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm hoặc nghị luận.

Thực hành viết:

- Mở bài: Giới thiệu sự vật, hiện tượng cần thuyết minh; nêu sự tồn tại của sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội.
- Thân bài:
 - + Nêu thực chất của sự vật, hiện tượng được thuyết minh;
 - + Trình bày các thông tin theo trình tự đã được lựa chọn, xác định ở phần tìm ý.
- Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc nhận thức đúng về sự vật, hiện tượng được thuyết minh.

PHẦN 3: ĐỀ THAM KHẢO

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 11

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 1
(Đề có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

Khám phá làng gốm truyền thống Biên Hòa - Đồng Nai

Gốm Biên Hòa - Đồng Nai là sự hòa quyện tài tình giữa đất, nước và lửa, tạo nên những sản phẩm đặc trưng bản sắc, điểm tô cho văn hóa Việt.

Hình ảnh: Một góc xưởng Gốm Biên Hòa

[...] (1) Nói đến gốm mỹ nghệ Biên Hòa là nói đến sự kết hợp khéo léo nghệ thuật giữa Tây và ta, giữa cũ và mới, là sự kết tinh giữa kinh nghiệm làm gốm thủ công cổ truyền điêu luyện với kỹ thuật hiện đại của công nghệ Pháp. Tuy nhiên, cái cốt lõi, cái hồn vẫn nằm ở nguyên liệu đất bản địa đặc trưng và men thực vật truyền thống do các nghệ nhân Biên Hòa tạo nên [...]

(2) Hai yếu tố quan trọng tạo nên vẻ đẹp đặc trưng của gốm Biên Hòa là nguồn nguyên liệu cao lanh và đất sét màu chất lượng cao cộng với trình độ của đội ngũ thợ gốm có tay nghề. Có thể nói, tài nghệ của thợ gốm Biên Hòa chính là ở chỗ họ đã tiếp thu, hòa nhập được những nét tinh hoa của các nền văn hóa trong các sản phẩm của mình. Quy trình sản xuất một sản phẩm gốm trước hết qua khâu tạo dáng trên bàn xoay hoặc trong khuôn, được trang trí vẽ chìm, đắp nổi hoặc trở thủng sau đó phủ men màu lên những phần đã trang trí trước khi đưa vào lò nung. Độ lửa, chấm men và kỹ thuật khắc đã làm nên sự hấp dẫn kỳ lạ, độc đáo cho gốm Biên Hòa.

(3) Chỉ tiếc rằng, các kỹ thuật men truyền thống như trắng tàu, đỏ đá và đặc biệt là men xanh trở đồng và loại gốm đất đen ở Biên Hòa xưa giờ đây đang có nguy cơ bị mai một, rất cần được tập hợp, nghiên cứu và lưu giữ. Làm cách nào để phục hồi, một khi những nghệ nhân am tường kỹ thuật chế tác cũng mất đi?

(Theo Anh Vũ, <https://thoidai.com/kham-pha-lang-gom-truyen-thong-bien-hoa-dong-nai>)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định đề tài của văn bản.

Câu 2. Theo văn bản, hai yếu tố quan trọng tạo nên vẻ đẹp đặc trưng của gốm Biên Hòa là gì?

Câu 3: Văn bản được triển khai theo trình tự nào?

Câu 4 : Tác dụng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản?

Câu 5: Nhan đề của văn bản có vai trò như thế nào trong việc thể hiện nội dung văn bản?

Câu 6 : Nội dung chính của văn bản?

Câu 7: Anh/Chị hãy nhận xét tình cảm, thái độ của người viết đối với vấn đề đặt ra trong văn bản.

Câu 8: Anh/Chị có đồng tình với quan điểm của tác giả khi cho rằng: “các kỹ thuật men truyền thống như trắng tàu, đỏ đá và đặc biệt là men xanh trở đồng và loại gốm đất đen ở Biên Hòa xưa giờ đây đang có nguy cơ bị mai một, rất cần được tập hợp, nghiên cứu và lưu giữ” không? Vì sao?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn thuyết minh (có lồng ghép ít nhất 2 trong 4 yếu tố: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận) về hiện tượng thiếu động lực học tập ở một bộ phận học sinh hiện nay.

-----Hết-----

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 11

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 2
(Đề có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

Quyền được “flex”

(Lược đoạn đầu: *Tác giả dẫn nhập vào vấn đề và định nghĩa khái niệm “Flex” – khái niệm được dùng để chỉ việc “khoe thành tích” hay rộng hơn là chia sẻ bất kỳ điều gì khiến một người cảm thấy tự hào, tốt đẹp về bản thân*).

Có lẽ một trong những nguyên do khiến nhóm Flex này được cộng đồng hưởng ứng, vượt xa sức tưởng tượng hay kỳ vọng của bất kỳ ai là bởi nó đánh trúng một trong những nhu cầu tâm lý quan trọng nhất của con người: nhu cầu cảm thấy tốt đẹp về bản thân.

Theo tháp nhu cầu của Maslow, một khi đã thỏa mãn được những nhu cầu sinh lý căn bản và nhu cầu về an toàn ở những tầng dưới, con người sẽ bắt đầu theo đuổi những nhu cầu cao hơn về tinh thần: cảm thấy mình được yêu thương, mình thuộc về một cộng đồng nào đó và hơn hết, cảm thấy được nể trọng. Khi một người chia sẻ về những gì mình đang có hoặc đã đạt được mà lại được cộng đồng khen ngợi, cái “tôi” của họ sẽ được thỏa mãn. Đây cũng là lý do một số hội nhóm khoe tài nấu ăn hay nhà đẹp cũng từng nhanh chóng thu hút hàng triệu thành viên và luôn hoạt động rất sôi nổi. Sự khác biệt của nhóm Flex nằm ở chỗ nó cho phép mọi bạn trẻ, những người thường chưa có nhà và không yêu bếp, chia sẻ về tất cả những thứ khiến họ cảm thấy tự hào, từ việc vượt khó làm giàu cho tới giành huy chương Olympic Toán học. [...]

Dù ít hay nhiều, con người vẫn sẽ luôn đi tìm kiếm sự công nhận. Tuy nhiên, việc trở nên “nghiện” hay phụ thuộc quá mức vào sự công nhận hay khen ngợi có thể khiến chúng ta đánh mất niềm tin vào giá trị của bản thân. Mặt tối của flex là nó có thể gây lầm tưởng rằng giá trị của ta phụ thuộc vào sự đánh giá của những người xung quanh. Những gì chúng ta làm dường như sẽ chỉ có giá trị nếu nhận được những lời tán dương, và ngược lại. Nói cách khác, người trẻ đổi mặt với nguy cơ trở thành “tù nhân của dư luận”.

Bản chất của flex không xấu. Nếu đúng lúc, đúng chỗ và ở chừng mực vừa phải, nó có thể trở thành một công cụ để khích lệ và chia sẻ niềm vui với những người xung quanh. Chúng ta có thể học cách tự hào về những gì mình đạt được mà không sợ bị đánh giá là khoe mẽ. Hơn hết, chúng ta cũng có thể học cách tôn vinh và chia sẻ niềm vui với người khác mà không cần cảm thấy ganh tỵ hay đố kỵ.

Nhưng dù flex hay không flex, giá trị thật sự của mỗi người chưa bao giờ phụ thuộc vào số lượng "like" nhận được, mà vẫn luôn nằm ở những điều tốt đẹp mà chúng ta đã và đang nỗ lực tạo ra mỗi ngày.

(Ngô Di Lâm, Trích *Quyền được “flex”*, báo Vnexpress, thứ ba, 18/7/2023)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định vấn đề nghị luận của văn bản.

Câu 2. Xác định một bằng chứng được tác giả sử dụng để làm sáng tỏ vấn đề rằng mọi người đều có quyền được “flex”.

Câu 3. Chỉ ra một yếu tố tự sự và một yếu tố miêu tả trong văn bản.

Câu 4: Yếu tố thuyết minh trong văn bản trên có vai trò gì?

Câu 5. Anh/Chị hãy nhận xét tình cảm, thái độ của người viết đối với vấn đề đặt ra trong văn bản.

Câu 6. Nhan đề của văn bản có vai trò như thế nào trong việc thể hiện nội dung văn bản?

Câu 7. Anh/Chị có đồng tình với ý kiến cho rằng “việc trở nên “nghiện” hay phụ thuộc quá mức vào sự công nhận hay khen ngợi có thể khiến chúng ta đánh mất niềm tin vào giá trị của bản thân” không? Vì sao?

Câu 8. Từ hiện tượng “flex” trong văn bản, anh/chị suy nghĩ gì về tác động của các trào lưu trên mạng xã hội đối với giới trẻ hiện nay.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn thuyết minh (có lồng ghép ít nhất 2 trong 4 yếu tố: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận) về hiện tượng nghiện mạng xã hội của giới trẻ hiện nay.

-----HẾT-----